

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A M
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:32/2019/HNGĐ -ST
Ngày 04/7/2019
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Mỹ Huệ

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Dương Văn Nghĩa

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản tại phiên tòa:* **Cao Vũ Linh**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện AM.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện AM tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc "**Xin ly hôn**" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị Thùy D**, sinh năm 1986 (*có mặt*).

C- trú: □p 9 Chợ, xã Đông Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Tô Thanh S**, sinh năm 1980 (*có mặt*).

C- trú: □p 9B, xã Thuận Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi ghi ngày 28/3/2019 nguyên đơn chị Đinh Thị Thùy D trình bày và yêu cầu nh- sau:*

Chị D và anh Tô Thanh S chung sống với nhau vào năm 2016 đến nay không đăng ký kết hôn, thời gian sống với nhau như vợ chồng không hạnh phúc vì anh S thường xuyên đi uống rượu, tham gia đánh bạc, về hành hung chị D rất nhiều lần, thậm chí gây thương tích cho chị phải nhập viện điều trị, vì không còn khả năng chịu đựng được nên chị bế con về nhà cha mẹ ruột chị D

sinh sống từ cuối năm 2017, thời gian này anh Sử thường xuyên gọi điện thoại hăm dọa đủ cách. Đến năm 2018 chị đi làm thuê kiếm tiền nuôi con anh S đoán đường dùng dao cán vàng chém chị D, phải nhập viện điều trị thương tích, chị suy nghĩ hôn nhân giữa chị và anh S không còn hạnh phúc, không thể kéo dài thêm được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị đ-ợc ly hôn với S.

- **Về con:** Trong thời gian chung sống chị và anh S có 01 đứa con, đặt tên Đinh Hữu Khang, sinh ngày 11/5/2017. Hiện nay chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản:** chị D xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** không nợ người khác, và người khác không nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Trong biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2019 bị đơn anh Tô Thanh S trình bày như sau:**

Anh S và chị D chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 24/4/2016 âm lịch cho đến nay không đăng ký kết hôn, anh và chị D sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh phải đi mỗ lợn, bán thịt nên về muộn, khi về đến nhà thì vợ anh cần nhằn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ anh đi về nhà cha mẹ ruột ở. Vào ngày 23/3/2018 anh buồn ý định tìm chị D để trao đổi với nhau vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ anh không đồng ý nên anh giận có dùng dao cán vàng chém vợ anh (D) một dao, gây thương tích cho chị D phải nhập viện điều trị, nên hiện nay anh bị Công An bắt tạm giam chờ ra Tòa xét xử.

Nay theo yêu cầu của Đinh Thị Thùy D xin ly hôn với anh, thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D nêu ra.

- **Về con chung:** anh và chị D có 01 đứa con, tên Đinh Hữu Khang, sinh năm 2017, khi ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản và nợ:** anh Sử xác định không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị Đinh Thị Thùy D và anh Tô Thanh S cùng thống nhất tự thỏa thuận ly hôn với nhau.

+ Về con: anh S đồng ý giao con cho chị D nuôi d-ỡng khi anh chị ly hôn; anh S không cấp d-ỡng nuôi con (Hiện cháu Khang đang sống với chị Dung).

Về tài sản và nợ: Chị D và anh S xác định, không yêu tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu việc thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng về trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị D và anh S chung sống với nhau như vợ chồng năm 2016, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì chị D và anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay chị D yêu cầu xin ly hôn, anh S đồng ý nhưng do chị và anh không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng, áp dụng Điều 9 và Điều 14, Điều 53 luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị D và anh S là vợ chồng. Về con: chị D và anh S thống nhất với nhau, khi ly hôn giao con tên Đinh Hữu Khang, sinh năm 2017 cho chị D nuôi dưỡng, chị D đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Không xem xét. Về tài sản và nợ, chị D và anh S không tranh chấp, đề nghị HĐXX không xem xét

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đinh Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Tô Thanh S. Khi chị D khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh S, cư trú tại ấp 9B, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên xác định chấp dân sự về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền của của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị D và anh S chung sống với nhau như vợ chồng năm 2016 đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã một trong hai người cư trú*). Nay chị D xin được ly hôn với anh S. Như vậy là vi phạm quy định về

đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị D phải xin ly hôn với anh S, như vậy hôn nhân giữa chị D và anh S áp dụng vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 ghi “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*” Điều 53 ghi: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này*”. Do đó mặc dù chị D và anh S thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng không thể ghi nhận mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Đinh Thị Thùy D và anh Tô Thanh S là vợ chồng theo quy định của pháp Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị D và anh S tự xác định có 01 đứa con chung tên Đinh Hữu Khang, sinh ngày 11/5/2017. Sau khi ly hôn giao con cho chị D nuôi (Hiện nay chị D đang nuôi cháu Khang), chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị Dung và anh Sử tự xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đinh Thị Thùy D và anh Tô Thanh S là vợ chồng.

2. **Về con chung:** Giao con chung của chị D và anh S tên Đinh Hữu Khang, sinh ngày 11/5/2017 cho chị D nuôi dưỡng (hiện nay chị D đang nuôi Hữu Khang), về cấp dưỡng chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. Nên không xem xét.

3. **Về tài sản chung và nợ:** Chị D và anh S tự xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** buộc chị Đinh Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0006404 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị D đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/7/2019.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP;

Lê Mỹ Huê